

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2017

Thi tuyển các ngày 10&11/6/2017

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
1	5001	Đỗ Việt An	Nam	03/04/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
2	5002	Nguyễn Tiến Thịnh Anh	Nam	25/04/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
3	5003	Phan Ngọc Hoàng Anh	Nam	19/08/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
4	5004	Lê Đức Ân	Nam	16/05/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
5	5005	Trần Quốc Bảo	Nam	26/05/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
6	5006	Phạm Thanh Bình	Nam	17/10/1987	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
7	5007	Nguyễn Thành Chi	Nam	12/10/1976	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
8	5008	Nguyễn Xuân Chiến	Nam	15/05/1974	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
9	5009	Nguyễn Viết Chung	Nam	20/03/1985	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
10	5010	Nguyễn Minh Công	Nam	08/09/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
11	5011	Nguyễn Đình Cử	Nam	24/07/1988	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
12	5012	Nguyễn Đức Cường	Nam	03/08/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
13	5013	Lê Duy Dũng	Nam	29/11/1980	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
14	5014	Lưu Tiến Dũng	Nam	25/02/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
15	5015	Nguyễn Quang Đạt	Nam	28/03/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
16	5016	Nguyễn Văn Đầu	Nam	22/02/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
17	5017	Nguyễn Đức Trần Đông	Nam	30/12/1983	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
18	5018	Hà Văn Đức	Nam	26/06/1990	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
19	5019	Nguyễn Thế Giang	Nam	04/01/1984	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
20	5020	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	25/09/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
21	5021	Trần Nam Hải	Nam	31/07/1989	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
22	5022	Nguyễn Tiến Hiệp	Nam	22/03/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
23	5023	Nguyễn Hữu Hiểu	Nam	03/02/1977	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
24	5024	Lê Thanh Hoàng	Nam	18/07/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
25	5025	Nguyễn Đặng Hoàng	Nam	03/05/1977	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
26	5026	Đỗ Thị Hợp	Nữ	06/08/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
27	5027	Trần Tiến Hùng	Nam	22/12/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
28	5028	Vũ Mạnh Hùng	Nam	12/09/1974	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
29	5029	Nguyễn Quang Huy	Nam	17/01/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
30	5030	Nguyễn Xuân Hưởng	Nam	25/11/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
31	5031	Trần Thanh Liêm	Nam	03/07/1976	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
32	5032	Nguyễn Trung Lương	Nam	10/01/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
33	5033	Nguyễn Thái Ly	Nam	19/07/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		1	P.201 Nhà A8
34	5034	Nguyễn Đức Minh	Nam	05/11/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
35	5035	Trần Quang Minh	Nam	25/09/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
36	5036	Mai Trọng Nam	Nam	21/07/1988	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
37	5037	Nguyễn Hoài Nam	Nữ	02/12/1979	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
38	5038	Đặng Văn Nghĩa	Nam	17/09/1973	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
39	5039	Phạm Văn Nguyên	Nam	25/04/1983	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
40	5040	Trần Đình Phúc	Nam	25/10/1988	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
41	5041	Trần Đăng Quang	Nam	03/06/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
42	5042	Tăng Ngọc Quế	Nam	01/12/1988	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
43	5043	Đoàn Bảo Quốc	Nam	10/12/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
44	5044	Phạm Đình Sang	Nam	24/09/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
45	5045	Nguyễn Đình Sơn	Nam	15/12/1979	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
46	5046	Tăng Văn Tài	Nam	24/05/1982	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
47	5047	Nguyễn Tiến Thành	Nam	21/09/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
48	5048	Phạm Thị Thảo	Nữ	20/01/1979	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
49	5049	Nguyễn Đình Thiệp	Nam	10/08/1984	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
50	5050	Phùng Đức Thịnh	Nam	11/03/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
51	5051	Lê Đức Thọ	Nam	07/10/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
52	5052	Nguyễn Đức Tiêm	Nam	13/12/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
53	5053	Phạm Hồng Tiến	Nam	21/02/1985	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
54	5054	Trương Quốc Tiến	Nam	20/02/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
55	5055	Trần Việt Tiệp	Nam	18/09/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
56	5056	Nguyễn Đức Toàn	Nam	06/10/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
57	5057	Nguyễn Quốc Trình	Nam	11/03/1982	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
58	5058	Đỗ Văn Trọng	Nam	20/01/1990	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
59	5059	Lê Văn Trọng	Nam	28/11/1994	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
60	5060	Phạm Minh Trung	Nam	06/01/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
61	5061	Trịnh Ngọc Tú	Nam	09/08/1989	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
62	5062	Hoàng Văn Tuấn	Nam	02/09/1987	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
63	5063	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	07/10/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
64	5064	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	18/07/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
65	5065	Nguyễn Văn Vũ	Nam	01/09/1987	Kỹ thuật xây dựng CTGT		2	P.202 Nhà A8
66	5066	Tăng Phan Anh	Nam	10/09/1986	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8
67	5067	Đỗ Trọng Bắc	Nam	27/12/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
68	5068	Lê Duy Công	Nam	13/12/1981	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
69	5069	Lê Anh Dũng	Nam	24/11/1977	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
70	5070	Nguyễn Anh Dũng	Nam	29/11/1985	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
71	5071	Phạm Ngọc Dũng	Nam	14/06/1977	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
72	5072	Lê Khánh Dương	Nam	30/10/1973	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8
73	5073	Bùi Mạnh Đạt	Nam	16/04/1981	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
74	5074	Nguyễn Trường Giang	Nam	20/10/1984	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
75	5075	Trần Đức Giang	Nam	04/04/1986	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
76	5076	Trần Nguyên Giáp	Nam	17/07/1984	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8
77	5077	Hoàng Văn Hải	Nam	02/06/1974	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
78	5078	Đào Xuân Hiền	Nam	09/12/1986	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
79	5079	Mai Chí Hiền	Nam	23/10/1990	Kỹ thuật xây dựng CTGT	TNĐH tại TQ - Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8
80	5080	Lưu Xuân Hiếu	Nam	25/02/1981	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
81	5081	Nguyễn Văn Hòa	Nam	23/02/1980	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
82	5082	Phạm Trọng Hùng	Nam	01/10/1979	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
83	5083	Vũ Thành Hưng	Nam	28/08/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT	TOEIC: 515 -Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8
84	5084	Bùi Huy Kiêm	Nam	31/10/1974	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8
85	5085	Đỗ Văn Lai	Nam	04/05/1974	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
86	5086	Triệu Đức Long	Nam	18/11/1982	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
87	5087	Đặng Tiến Mạnh	Nam	09/11/1983	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
88	5088	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	28/12/1991	Kỹ thuật xây dựng CTGT	TNĐH CNTT - Miễn thi NN	3	P.204 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
89	5089	Lê Hoài Nam	Nam	18/05/1989	Kỹ thuật xây dựng CTGT	TN Th.S tại VQ Anh - Miền thi NN	3	P.204 Nhà A8
90	5090	Lê Tuấn Nghĩa	Nam	24/01/1985	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
91	5091	Mạc Văn Nghiệp	Nam	05/05/1977	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	3	P.204 Nhà A8
92	5092	Đỗ Trung Quang	Nam	19/05/1990	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
93	5093	Nông Văn Thạch	Nam	12/05/1982	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
94	5094	Phạm Quang Thái	Nam	24/06/1992	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
95	5095	Lương Tất Thành	Nam	02/04/1987	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	3	P.204 Nhà A8
96	5096	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	11/11/1983	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
97	5097	Ngô Nguyễn Minh Trí	Nam	23/04/1993	Kỹ thuật xây dựng CTGT	TNDH tại TQ - Miền thi NN	3	P.204 Nhà A8
98	5098	Trung Vĩnh Trí	Nam	13/03/1982	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
99	5099	Hà Duy Tùng	Nam	15/11/1988	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
100	5100	Trần Danh Tuyên	Nam	29/05/1987	Kỹ thuật xây dựng CTGT	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	3	P.204 Nhà A8
101	5101	Trần Hoàng Việt	Nam	07/02/1978	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
102	5102	Đỗ Anh Vũ	Nam	05/09/1988	Kỹ thuật xây dựng CTGT		3	P.204 Nhà A8
103	5103	Trần Ngọc Anh	Nam	29/09/1991	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
104	5104	Nguyễn Tuấn Bình	Nam	02/05/1987	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
105	5105	Trương Công Dinh	Nam	07/04/1988	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
106	5106	Hồ Sỹ Dũng	Nam	20/02/1993	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
107	5107	Nguyễn Văn Dương	Nam	03/10/1991	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
108	5108	Lê Quang Đạm	Nam	02/06/1981	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
109	5109	Huỳnh Ngọc Hiệp	Nam	10/04/1988	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
110	5110	Phùng Văn Hồng	Nam	27/05/1984	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
111	5111	Đỗ Hùng	Nam	19/06/1985	Kỹ thuật cơ khí động lực	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	4	P.301 Nhà A8
112	5112	Trương Văn Huy	Nam	26/03/1979	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
113	5113	Phạm Quang Hưng	Nam	16/04/1982	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
114	5114	Phạm Duy Khánh	Nam	10/10/1991	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
115	5115	Hồ Tấn Phương	Nam	15/06/1982	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
116	5116	Lý Minh Sang	Nam	19/04/1981	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
117	5117	Phạm Tấn Tấn	Nam	17/01/1984	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
118	5118	Trần Văn Tuấn	Nam	20/11/1985	Kỹ thuật cơ khí động lực		4	P.301 Nhà A8
119	5119	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	01/08/1993	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
120	5120	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	04/10/1990	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
121	5121	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	28/08/1982	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
122	5122	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	19/04/1994	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
123	5123	Tổng Duy Khoa	Nam	05/05/1976	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
124	5124	Nguyễn Văn Khỏe	Nam	24/09/1988	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
125	5125	Ngô Đức Linh	Nam	09/11/1979	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
126	5126	Lê Thị Kiều Lương	Nữ	11/09/1977	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
127	5127	Nguyễn Hoài Nam	Nam	28/12/1982	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
128	5128	Nguyễn Văn Sơn	Nam	19/04/1979	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
129	5129	Bùi Văn Tâm	Nam	19/10/1987	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
130	5130	Nguyễn Đình Tân	Nam	11/10/1980	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
131	5131	Vũ Văn Thành	Nam	03/02/1988	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
132	5132	Phạm Văn Thảo	Nam	28/09/1984	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
133	5133	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	25/11/1979	Tổ chức và quản lý vận tải	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	4	P.301 Nhà A8
134	5134	Nguyễn Công Toàn	Nam	12/02/1978	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
135	5135	Đặng Duy Trinh	Nam	09/09/1971	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
136	5136	Trương Minh Tuệ	Nam	04/03/1993	Tổ chức và quản lý vận tải		4	P.301 Nhà A8
137	5137	Phạm Ngọc Anh	Nam	13/10/1990	Kỹ thuật xây dựng CTDD&CN	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	5	P.302 Nhà A8
138	5138	Nguyễn Việt Bách	Nam	05/09/1992	Kỹ thuật xây dựng CTDD&CN		5	P.302 Nhà A8
139	5139	Phạm Văn Nam	Nam	18/04/1992	Kỹ thuật xây dựng CTDD&CN		5	P.302 Nhà A8
140	5140	Phạm Văn Tình	Nam	12/11/1990	Kỹ thuật xây dựng CTDD&CN		5	P.302 Nhà A8
141	5141	Nguyễn Đăng Tuấn	Nam	12/10/1992	Kỹ thuật xây dựng CTDD&CN		5	P.302 Nhà A8
142	5142	Đặng Quang Anh	Nam	06/09/1994	Kỹ thuật viễn thông		5	P.302 Nhà A8
143	5143	Nguyễn Hữu Chung	Nam	27/07/1994	Kỹ thuật viễn thông		5	P.302 Nhà A8
144	5144	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	10/01/1990	Kỹ thuật viễn thông		5	P.302 Nhà A8
145	5145	Phan Lê Đông	Nam	16/01/1980	Kỹ thuật viễn thông		5	P.302 Nhà A8
146	5146	Nguyễn Thị Hà	Nữ	23/12/1989	Kỹ thuật viễn thông		5	P.302 Nhà A8
147	5147	Nguyễn Đại Dương	Nam	17/12/1984	Công nghệ thông tin		5	P.302 Nhà A8
148	5148	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	08/10/1984	Công nghệ thông tin	TNĐH ngành Tiếng Anh - Miễn thi NN	5	P.302 Nhà A8
149	5149	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	29/09/1983	Công nghệ thông tin	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	5	P.302 Nhà A8
150	5150	Nguyễn Đăng Huy	Nam	05/03/1986	Công nghệ thông tin		5	P.302 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
151	5151	Nguyễn Xuân Lực	Nam	10/09/1983	Công nghệ thông tin		5	P.302 Nhà A8
152	5152	Đinh Hồng Quang	Nam	11/01/1977	Công nghệ thông tin		5	P.302 Nhà A8
153	5153	Lê Hữu Sản	Nam	26/10/1985	Công nghệ thông tin		5	P.302 Nhà A8
154	5154	Nguyễn Thành Trang	Nam	28/11/1984	Công nghệ thông tin		5	P.302 Nhà A8
155	5155	Nguyễn Lan Anh	Nữ	30/03/1979	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
156	5156	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	05/06/1986	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
157	5157	Nguyễn Thị Vân Hạnh	Nữ	06/05/1991	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
158	5158	Bùi Mỹ Hiền	Nữ	04/11/1978	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
159	5159	Đỗ Thu Hiền	Nữ	05/12/1985	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
160	5160	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	19/05/1994	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
161	5161	Vũ Văn Năng	Nam	07/10/1984	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
162	5162	Lê Quang Nghĩa	Nam	24/01/1984	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
163	5163	Nguyễn Duy Ngự	Nam	13/04/1978	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
164	5164	Phạm Xuân Nội	Nam	22/02/1976	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
165	5165	Phạm Công Thuận	Nam	13/07/1993	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
166	5166	Diêm Thị Thu Trang	Nữ	12/06/1984	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
167	5167	Võ Anh Tú	Nam	08/08/1968	Quản trị kinh doanh		5	P.302 Nhà A8
168	5168	Lê Đình Anh	Nam	24/05/1985	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
169	5169	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	02/02/1994	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
170	5170	Vũ Đức Anh	Nam	28/03/1984	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
171	5171	Nguyễn Văn Công	Nam	01/01/1986	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
172	5172	Biện Hữu Danh	Nam	26/06/1983	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
173	5173	Phan Đức Duy	Nam	19/01/1992	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
174	5174	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	24/03/1993	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
175	5175	Bùi Thị Hà	Nữ	07/10/1990	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
176	5176	Trần Thu Hà	Nữ	03/10/1994	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
177	5177	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	20/01/1978	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
178	5178	Nguyễn Thị Nga Hằng	Nữ	01/09/1978	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
179	5179	Trần Quang Hiến	Nam	27/11/1978	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
180	5180	Nguyễn Thái Học	Nam	10/10/1992	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8
181	5181	Đinh Thị Huệ	Nữ	28/08/1986	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	6	P.306 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
182	5182	Ngô Quốc Huy	Nam	30/09/1991	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
183	5183	Nguyễn Trọng Huy	Nam	19/12/1989	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
184	5184	Đinh Thị Thanh Huyền	Nữ	07/11/1987	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
185	5185	Nguyễn Thị Diệu Hương	Nữ	04/09/1981	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
186	5186	Phạm Xuân Hường	Nam	30/06/1980	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
187	5187	Nguyễn Công Kiên	Nam	20/07/1984	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
188	5188	Trần Thị Lan	Nữ	29/04/1988	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
189	5189	Nguyễn Kiều Linh	Nam	25/08/1974	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
190	5190	Lê Thị Loan	Nữ	25/10/1985	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
191	5191	Phạm Văn Luyến	Nam	20/01/1984	Quản trị kinh doanh	TN DH ngành tiếng Anh - Miền thi NN	6	P.306 Nhà A8
192	5192	Phạm Hữu Lưu	Nam	05/10/1987	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
193	5193	Vũ Thị Tuyết Mai	Nữ	02/03/1979	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
194	5194	Nguyễn Chí Minh	Nam	27/10/1981	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
195	5195	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	21/09/1992	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
196	5196	Trần Đại Nghĩa	Nam	15/05/1991	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
197	5197	Vũ Hồng Nhung	Nữ	20/02/1981	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
198	5198	Phạm Lan Oanh	Nữ	13/09/1988	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
199	5199	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	15/09/1992	Quản trị kinh doanh	TOEIC: 570 - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
200	5200	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Nữ	04/10/1993	Quản trị kinh doanh	TNDH ngành NN Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
201	5201	Đặng Trọng Sơn	Nam	01/07/1975	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
202	5202	Trần Hoài Sơn	Nam	15/08/1979	Quản trị kinh doanh	B2 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
203	5203	Trương Văn Thái	Nam	01/04/1980	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
204	5204	Nguyễn Duy Thanh	Nam	18/11/1983	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
205	5205	Nguyễn Thị Minh Thu	Nữ	01/11/1988	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
206	5206	Võ Thị Chung Thủy	Nữ	30/11/1977	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
207	5207	Lê Thanh Thúy	Nữ	24/08/1976	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
208	5208	Đoàn Xuân Toàn	Nam	22/12/1979	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
209	5209	Lâm Hoàng Quỳnh Trang	Nữ	04/10/1984	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
210	5210	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	18/11/1986	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
211	5211	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	30/05/1993	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8
212	5212	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	23/04/1982	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	7	P.307 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
213	5213	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	23/08/1976	Quản trị kinh doanh	B2 tiếng Anh - Miễn thi NN	7	P.307 Nhà A8
214	5214	Lê Minh Tuyết	Nữ	13/10/1991	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	7	P.307 Nhà A8
215	5215	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	13/09/1985	Quản trị kinh doanh	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	7	P.307 Nhà A8
216	5216	Nguyễn Chí Công	Nam	10/12/1990	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
217	5217	Nguyễn Tiến Công	Nam	07/02/1989	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
218	5218	Phạm Văn Cung	Nam	18/08/1987	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
219	5219	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	15/05/1991	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
220	5220	Lê Doãn Đạo	Nam	10/10/1985	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
221	5221	Trần Minh Đăng	Nam	24/04/1980	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
222	5222	Trần Quang Hải	Nam	20/05/1984	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
223	5223	Nguyễn Văn Hanh	Nam	03/09/1969	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
224	5224	Vũ Văn Hậu	Nam	08/07/1967	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
225	5225	Nguyễn Duy Hiếu	Nam	18/12/1992	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
226	5226	Lê Huy Hoàng	Nam	25/04/1990	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
227	5227	Nguyễn Song Hoàng	Nam	03/10/1992	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
228	5228	Phạm Thị Hồng	Nữ	24/05/1990	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
229	5229	Đinh Lê Huy	Nam	11/11/1978	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
230	5230	Trần Thị Huyền	Nữ	16/11/1993	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
231	5231	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	15/11/1987	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
232	5232	Phạm Duy Khánh	Nam	22/02/1979	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
233	5233	Nguyễn Thị Lành	Nữ	08/08/1982	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
234	5234	Tô Thị Ly	Nữ	08/03/1987	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
235	5235	Nguyễn Thị Mai	Nữ	20/05/1992	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
236	5236	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/10/1983	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
237	5237	Hoàng Đức Quang	Nam	14/11/1988	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
238	5238	Lê Ngọc Quang	Nam	12/07/1978	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
239	5239	Phạm Như Quỳnh	Nữ	12/02/1994	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
240	5240	Bùi Danh Sinh	Nam	07/08/1991	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
241	5241	Đào Thị Thanh	Nữ	24/03/1993	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
242	5242	Đặng Quyết Thắng	Nam	13/11/1993	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
243	5243	Nguyễn Trung Thông	Nam	06/06/1994	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
244	5244	Nguyễn Việt Tiến	Nam	14/09/1979	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
245	5245	Hoàng Thị Thảo Trang	Nữ	09/02/1993	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
246	5246	Nguyễn Minh Trí	Nam	28/07/1991	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
247	5247	Đông Anh Tuấn	Nam	07/03/1984	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
248	5248	Bùi Anh Tuấn	Nam	21/12/1984	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
249	5249	Hoàng Quốc Tuấn	Nam	09/09/1994	Quản lý xây dựng		8	P.401 Nhà A8
250	5250	Trần Xuân Anh	Nam	05/03/1985	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
251	5251	Nguyễn Hữu Cao	Nam	07/11/1975	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
252	5252	Phạm Văn Chí	Nam	15/07/1977	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
253	5253	Nguyễn Ngọc Chiến	Nam	03/09/1988	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
254	5254	Nguyễn Quang Chiến	Nam	27/01/1989	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
255	5255	Nguyễn Văn Chiến	Nam	07/07/1985	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
256	5256	Hoàng Mạnh Cường	Nam	06/06/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
257	5257	Bùi Gia Dũng	Nam	07/09/1975	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
258	5258	Đoàn Quang Dương	Nam	15/11/1982	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
259	5259	Phạm Thùy Dương	Nữ	04/06/1985	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
260	5260	Phạm Văn Đạo	Nam	07/08/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
261	5261	Hoàng Đỗ Hồng Diệp	Nữ	28/08/1986	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
262	5262	Đinh Văn Đức	Nam	10/04/1989	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
263	5263	Đỗ Hữu Hà	Nam	22/07/1990	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
264	5264	Phạm Ngọc Hải	Nam	12/03/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
265	5265	Trần Lê Hải	Nam	21/05/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
266	5266	Trần Quang Hải	Nam	20/01/1970	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
267	5267	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	25/06/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
268	5268	Đoàn Văn Hệ	Nam	20/09/1991	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
269	5269	Ngô Thị Thu Hiền	Nữ	16/04/1978	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
270	5270	Đỗ Chí Hiếu	Nam	09/02/1994	Quản lý xây dựng	TOEIC: 755 - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
271	5271	Đinh Thượng Hoàng	Nam	10/02/1991	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
272	5272	Nguyễn Việt Hùng	Nam	08/02/1977	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
273	5273	Tổng Văn Huy	Nam	04/03/1984	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8
274	5274	Đinh Quang Hưng	Nam	01/06/1987	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miễn thi NN	9	P.402 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
275	5275	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	05/06/1978	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
276	5276	Phạm Văn Khương	Nam	21/04/1987	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
277	5277	Nguyễn Văn Kiên	Nam	01/07/1988	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
278	5278	Phạm Kiên	Nam	04/01/1982	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
279	5279	Phạm Trung Kiên	Nam	25/02/1984	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
280	5280	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	07/05/1971	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
281	5281	Đinh Mạnh Linh	Nam	09/06/1990	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
282	5282	Phạm Ngọc Linh	Nam	24/11/1991	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
283	5283	Nguyễn Văn Nam	Nam	03/09/1973	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
284	5284	Trần Trọng Nam	Nam	12/02/1989	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	9	P.402 Nhà A8
285	5285	Vũ Văn Nam	Nam	27/11/1991	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
286	5286	Bùi Sỹ Ngân	Nam	02/06/1981	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
287	5287	Đỗ Thị Thúy Ngân	Nữ	11/08/1990	Quản lý xây dựng	TNDH tại New Zealand - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
288	5288	Đỗ Thái Ngọc	Nam	01/01/1985	Quản lý xây dựng	TN ĐH tại TQ - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
289	5289	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	06/04/1986	Quản lý xây dựng	TNDH tại TQ - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
290	5290	Hoàng Sĩ Nhất	Nam	21/09/1987	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
291	5291	Nguyễn Phú Phát	Nam	03/11/1994	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
292	5292	Đỗ Thị Mai Phương	Nữ	20/08/1993	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
293	5293	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	24/11/1978	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
294	5294	Cao Minh Sơn	Nam	08/03/1985	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
295	5295	Phạm Thanh Sơn	Nam	26/09/1987	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
296	5296	Đinh Xuân Thái	Nam	25/11/1988	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
297	5297	Phạm Anh Thái	Nam	05/08/1986	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
298	5298	Nguyễn Nhật Thành	Nam	04/01/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
299	5299	Tạ Hùng Thành	Nam	09/09/1981	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
300	5300	Trần Văn Thành	Nam	10/01/1993	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
301	5301	Trần Xuân Thành	Nam	23/05/1975	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
302	5302	Vũ Toàn Thắng	Nam	14/09/1976	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
303	5303	Tổng Thị Mai Thêu	Nữ	18/11/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
304	5304	Đinh Văn Thuận	Nam	20/08/1984	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
305	5305	Trần Văn Tiến	Nam	21/10/1987	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
306	5306	Bùi Huy Toàn	Nam	30/06/1984	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
307	5307	Vũ Minh Toàn	Nam	02/04/1974	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
308	5308	Trần Quốc Toàn	Nam	28/03/1976	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
309	5309	Nguyễn Xuân Trường	Nam	11/08/1983	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
310	5310	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	26/10/1989	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
311	5311	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	14/03/1986	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
312	5312	Nguyễn Đức Tuyên	Nam	03/10/1985	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
313	5313	Lê Quang Uyên	Nam	14/08/1980	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
314	5314	Đinh Thị Vinh	Nữ	07/05/1979	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
315	5315	Lê Đình Vinh	Nam	14/08/1984	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
316	5316	Nguyễn Như Yên	Nữ	05/10/1993	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
317	5317	Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ	18/05/1994	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
318	5318	Trương Thị Hải Yên	Nữ	25/07/1980	Quản lý xây dựng	B1 tiếng Anh - Miền thi NN	10	P.404 Nhà A8
319	5319	Quách Đăng Cầm	Nam	12/02/1981	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
320	5320	Trần Minh Châu	Nam	02/05/1984	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
321	5321	Phạm Duy	Nam	07/01/1981	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
322	5322	Diệp Văn Dương	Nam	23/08/1970	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
323	5323	Hà Ngọc Dương	Nam	29/04/1989	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
324	5324	Lò Văn Dương	Nam	26/01/1971	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
325	5325	Đặng Đình Đắc	Nam	07/09/1978	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
326	5326	Phạm Anh Đức	Nam	10/02/1986	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
327	5327	Trịnh Việt Hải	Nam	14/10/1988	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
328	5328	Phạm Trọng Hậu	Nam	19/08/1979	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
329	5329	Poòng Quốc Hiệp	Nam	06/10/1986	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
330	5330	Vũ Trung Hiếu	Nam	24/10/1993	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
331	5331	Đỗ Thanh Hoàng	Nam	24/01/1989	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
332	5332	Cao Xuân Hùng	Nam	05/07/1985	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
333	5333	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	15/06/1992	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
334	5334	Poòng Quốc Huy	Nam	01/07/1985	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
335	5335	Nguyễn Đạt Long	Nam	17/02/1977	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
336	5336	Nguyễn Đức Lượng	Nam	04/07/1985	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký dự thi	Ngoại ngữ	Phòng thi số	Địa điểm
337	5337	Bùi Vĩnh Phú	Nam	03/08/1982	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
338	5338	Phạm Văn Phúc	Nam	29/08/1981	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
339	5339	Lê Thị Loan Phượng	Nam	06/12/1982	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
340	5340	Vũ Đức Quyết	Nam	09/07/1980	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
341	5341	Phạm Ngọc Quỳnh	Nam	18/01/1974	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
342	5342	Phạm Trọng Tài	Nam	08/10/1986	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
343	5343	Tô Tố Tâm	Nam	28/10/1992	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
344	5344	Đinh Thu Thảo	Nam	05/03/1993	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
345	5345	Nguyễn Văn Toàn	Nam	09/02/1984	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
346	5346	Quản Bá Tới	Nam	27/02/1988	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
347	5347	Nguyễn Trường Trung	Nam	01/03/1981	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
348	5348	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	09/11/1972	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8
349	5349	Hà Huy Vinh	Nam	27/07/1981	Quản lý xây dựng		11	P.405 Nhà A8

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2017

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLĐT

(Đã ký, đóng dấu)

PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa